

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số:10/2020/DS-ST

Ngày 21/5/2020

V/v kiện đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2019/TLST-DS, ngày 19/8/2019, về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS, ngày 20/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-DS, ngày 18/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-DS, ngày 14/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Xuân H, chức vụ: Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông – Chủ tịch Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Xuân H - Phó Chủ tịch Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ. Có mặt

Bị đơn: ông Nguyễn Danh L

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: Bon U3, thị trấn E, huyện J, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 08/8/2019), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – ông Phan Xuân H trình bày:

Ngày 04/5/2006, Lâm trường Đ (sau là Công ty TNHH MTV Đ) có ký kết với ông Nguyễn Danh L Hợp đồng kinh tế số 44/HĐKT, theo nội dung hợp đồng thì ông L có trách nhiệm trồng mới và chăm sóc rừng thuộc tiểu khu 1335 với diện tích thực

hiện là 50 – 60 ha. Trong hợp đồng cũng thể hiện rõ, nghiệm thu kết quả trồng mới và chăm sóc năm thứ nhất vào năm 31/12/2006 và nghiệm thu kết quả chăm sóc năm thứ hai vào ngày 31/12/2007. Trong quá trình thực hiện ông L đã ứng tổng số tiền là 97.000.000 đồng, việc ứng tiền được thể hiện thông qua các Giấy ứng tiền và phiếu chi, cụ thể là Phiếu chi số 173, ngày 14/6/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 14/6/2006; Phiếu chi số 206, ngày 29/6/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 29/6/2006; Phiếu chi số 238, ngày 01/8/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 01/8/2006; Phiếu chi số 314, ngày 27/9/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 27/9/2006; Phiếu chi số 247, ngày 24/7/2007, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 24/7/2007.

Việc nghiệm thu kết quả mà ông L thực hiện vào ngày 14/3/2008 tức là sau khi ông L trồng, chăm sóc năm thứ nhất và trồng lại, chăm sóc năm 2007 là năm thứ hai. Theo Biên bản nghiệm thu trồng rừng và chăm sóc trồng rừng trồng năm 2006 – 2007 thì ông L đã trồng và chăm sóc năm thứ nhất, trồng lại và chăm sóc năm 2007 đến thời điểm nghiệm thu được 46,5 ha, tỉ lệ cây sống đạt 60% theo định mức thiết kế kỹ thuật trồng rừng. Tuy nhiên kết quả này dựa trên sự phân tích chi tiết thuộc về phòng kế toán và phòng kỹ thuật.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Danh L, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Danh L phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền đã ứng là 97.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Danh L trình bày:

Sau khi nhận được Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, ông Nguyễn Danh L thừa nhận việc ông và Công ty TNHH MTV Đ có ký kết Hợp đồng kinh tế số 44/HĐKT, ngày 04/5/2006, ông thống nhất toàn bộ nội dung hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng, ông thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng ông đã ứng số tiền 97.000.000 đồng được thể hiện tại các Giấy ứng tiền, Giấy đề nghị tạm ứng, Phiếu chi mà Nguyên đơn đã cung cấp. Kết quả thực hiện việc nhận khoán ông L trồng mới và chăm sóc rừng thuộc tiểu khu 1335 được 46,5 ha, đạt tỉ lệ 60% đúng với biên bản nghiệm thu ngày 14/3/2008. Theo kết quả nghiệm thu này thì ông L sẽ được thanh toán trồng và chăm sóc năm thứ nhất với số tiền 72.540.000 đồng ($[2.600.000 \text{ đồng} \times 46,5 \text{ ha}] \times 60\% = 72.540.000 \text{ đồng}$); được thanh toán trồng lại và chăm sóc năm 2007 (chăm sóc năm thứ hai) với số tiền là 33.480.000 đồng ($[1.200.000 \text{ đồng} \times 46,5 \text{ ha}] \times 60\% = 33.480.000 \text{ đồng}$). Vậy tổng số tiền mà ông L lẽ ra được thanh toán là 106.020.000 đồng. Số tiền ông L ứng đã sử dụng vào việc trả tiền thuê người trồng cây và các chi phí khác. Do vậy ông L không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn; Bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70; 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ yêu cầu ông Nguyễn Danh L hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng là 97.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Danh L phải thanh toán số tiền mà ông L đã tạm ứng để trồng và chăm sóc rừng thuộc tiểu khu 1335 theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 44/HĐKT, ngày 04/5/2006. Vì vậy quan hệ tranh chấp “Kiện đòi tài sản”. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng và thụ lý vụ án, ông Nguyễn Danh L có nơi cư trú tại thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho Người làm chứng là ông Quách Văn C và ông Trần Khắc M theo yêu cầu của ông Nguyễn Danh L. Việc tổng đạt thực hiện qua dịch vụ bưu chính, tuy nhiên không thực hiện được. Qua kết quả xác minh tại Công an xã Quảng Phú thể hiện ông Quách Văn C và ông Trần Khắc M không đăng ký tạm trú, hộ khẩu thường trú tại địa phương, không thường xuyên có mặt tại địa phương, không biết địa chỉ cụ thể của họ ở đâu. Vì vậy Tòa án không thể tổng đạt các văn bản tố tụng cho Người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Tại Hợp đồng kinh tế số 44/HĐKT, ngày 04/5/2006, thể hiện Công ty TNHH MTV Đ và ông Nguyễn Danh L thỏa thuận nội dung, ông L có trách nhiệm trồng và chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất tại tiểu khu 1335 với diện tích từ 50 ha đến 60 ha. Trong quá trình thực hiện ông L đã ứng tổng số tiền là 97.000.000 đồng, việc ứng tiền được thể hiện thông qua các Giấy ứng tiền và phiếu chi, cụ thể là Phiếu chi số 173, ngày 14/6/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 14/6/2006; Phiếu chi số 206, ngày 29/6/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 29/6/2006; Phiếu chi số 238, ngày 01/8/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 01/8/2006; Phiếu chi số 314, ngày 27/9/2006, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 27/9/2006; Phiếu chi số 247, ngày 24/7/2007, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 24/7/2007.

[2.2]. Tại phiên tòa, các bên đương sự đã thừa nhận, kết quả thực hiện hợp đồng giao khoán của ông L được thể hiện tại biên bản nghiệm thu vào ngày 14/3/2008, tức là sau khi ông L trồng, chăm sóc năm thứ nhất và trồng lại, chăm sóc năm 2007 là năm thứ hai, theo đó ông L trồng mới và chăm sóc rừng thuộc tiểu khu 1335 được 46,5 ha, đạt tỉ lệ 60%. Theo kết quả nghiệm thu này thì ông L sẽ được thanh toán trồng và chăm sóc năm thứ nhất với số tiền 72.540.000 đồng ($[2.600.000 \text{ đồng} \times 46,5 \text{ ha}] \times 60\% = 72.540.000 \text{ đồng}$); được thanh toán trồng lại và chăm sóc năm 2007 (chăm sóc năm thứ hai) với số tiền là 33.480.000 đồng ($[1.200.000 \text{ đồng} \times 46,5 \text{ ha}] \times 60\% = 33.480.000 \text{ đồng}$). Như vậy tổng số tiền mà ông L lẽ ra được thanh toán là 106.020.000 đồng.

[2.3]. Từ các phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Danh L phải thanh toán số tiền mà ông L đã

tạm ứng 97.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Danh L không có yêu cầu phản tố, vì vậy không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không được chấp nhận, nhưng nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 11 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền 2.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Nguyên đơn (người nộp tiền Nguyễn Thị Ng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0000988, ngày 19/8/2019.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ.

2. Về án phí: Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 2.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Nguyên đơn (người nộp tiền Nguyễn Thị Ng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0000988, ngày 19/8/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Thị Tím

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Tím